

THÔNG BÁO

**V/v công khai tình hình quyết toán tài chính
thu - chi NSNN năm 2024 của Trường THCS Đức Thắng**

Kính gửi: Cán bộ, giáo viên, nhân viên trường THCS Đức Thắng

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 4335/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND quận Bắc Từ Liêm về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu-chi ngân sách năm 2024 của quận Bắc Từ Liêm;

Hiệu trưởng trường THCS Đức Thắng thực hiện công khai tình hình quyết toán tài chính thu-chi NSNN năm 2024 của Trường THCS Đức Thắng (Biểu số 03-Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC)

1. Hình thức và địa điểm công khai

- Đăng trên trang Website của nhà trường (tại chuyên mục: Ba công khai)
- Niêm yết tại bảng công khai của nhà trường,
- Tại buổi họp HĐSP tháng 02/2025.
- Tại hòm thư của ba tổ: Tổ Khoa học Tự nhiên, Tổ Khoa học Xã hội và Tổ Văn phòng

2. Thời gian: từ ngày 28/02/2025 đến hết ngày 28/03/2025 (30 ngày)

Đề nghị các đồng chí nghiên cứu thông tin trong biểu mẫu 03 đã được công khai. Nếu có ý kiến phản hồi, xin gửi văn bản về Ban Giám hiệu nhà trường (qua mail trường: c2ducthang-btl@hanoiedu.vn) hoặc gặp trực tiếp đồng chí Hiệu trưởng để được giải đáp.

Nơi nhận:

- CB, GVNV (để t/h);
- Lưu: VT.


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC
CƠ SỞ
ĐỨC THẮNG
Nguyễn Thị Thịnh

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường THCS Đức Thắng

Mã ĐVQHNS: 1127134

Mã cấp NS: 3



Ngày ký: 12/02/2024
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Bắc Từ Liêm - Hà
Nội
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	073	6157	00000	0	0	7.800.000	7.800.000	7.800.000	7.800.000
Lương theo ngạch, bậc	13	073	6001	00000	0	0	1.922.901.088	1.922.901.088	1.922.901.088	1.922.901.088
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	073	6051	00000	0	0	32.760.000	32.760.000	32.760.000	32.760.000
Phụ cấp chức vụ	13	073	6101	00000	0	0	37.693.870	37.693.870	37.693.870	37.693.870
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	073	6105	00000	0	0	119.072.958	119.072.958	119.072.958	119.072.958
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	073	6112	00000	0	0	584.760.312	584.760.312	584.760.312	584.760.312
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	073	6113	00000	0	0	25.809.000	25.809.000	25.809.000	25.809.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	073	6115	00000	0	0	213.274.806	213.274.806	213.274.806	213.274.806
Bảo hiểm xã hội	13	073	6301	00000	0	0	385.137.622	385.137.622	385.137.622	385.137.622
Bảo hiểm y tế	13	073	6302	00000	0	0	65.565.638	65.565.638	65.565.638	65.565.638
Kinh phí công đoàn	13	073	6303	00000	0	0	43.998.533	43.998.533	43.998.533	43.998.533
Bảo hiểm thất nghiệp	13	073	6304	00000	0	0	21.855.228	21.855.228	21.855.228	21.855.228
Tiền điện	13	073	6501	00000	0	0	33.241.881	33.241.881	33.241.881	33.241.881
Tiền nước	13	073	6502	00000	0	0	2.872.125	2.872.125	2.872.125	2.872.125
Tiền vệ sinh, môi trường	13	073	6504	00000	0	0	17.971.200	17.971.200	17.971.200	17.971.200
Văn phòng phẩm	13	073	6551	00000	0	0	62.893.858	62.893.858	62.893.858	62.893.858

Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	13	073	6601	00000	0	0	528.000	528.000	528.000	528.000
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	13	073	6605	00000	0	0	15.624.000	15.624.000	15.624.000	15.624.000
Thuê thiết bị các loại	13	073	6754	00000	0	0	47.146.000	47.146.000	47.146.000	47.146.000
Thuê lao động trong nước	13	073	6757	00000	0	0	1.034.412.441	1.034.412.441	1.034.412.441	1.034.412.441
Chi phí thuê mướn khác	13	073	6799	00000	0	0	73.192.000	73.192.000	73.192.000	73.192.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	073	6912	00000	0	0	2.596.000	2.596.000	2.596.000	2.596.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	073	7001	00000	0	0	53.158.000	53.158.000	53.158.000	53.158.000
Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	13	073	7004	00000	0	0	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	13	073	7012	00000	0	0	2.120.000	2.120.000	2.120.000	2.120.000
Chi khác	13	073	7049	00000	0	0	107.568.640	107.568.640	107.568.640	107.568.640
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13	073	7053	00000	0	0	12.440.000	12.440.000	12.440.000	12.440.000
Chi các khoản phí và lệ phí	13	073	7756	00000	0	0	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	13	073	7757	00000	0	0	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	13	073	7766	00000	0	0	14.105.000	14.105.000	14.105.000	14.105.000
Chi các khoản khác	13	073	7799	00000	0	0	36.636.000	36.636.000	36.636.000	36.636.000
Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	13	073	7951	00000	0	0	142.957.080	142.957.080	142.957.080	142.957.080
Chi lập Quỹ phúc lợi	13	073	7952	00000	0	0	183.801.960	183.801.960	183.801.960	183.801.960
Chi lập Quỹ khen thưởng	13	073	7953	00000	0	0	40.844.880	40.844.880	40.844.880	40.844.880
Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	13	073	7954	00000	0	0	40.844.880	40.844.880	40.844.880	40.844.880
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	15	073	6157	00000	0	0	4.200.000	4.200.000	4.200.000	4.200.000
Cộng:					0	0	5.394.983.000	5.394.983.000	5.394.983.000	5.394.983.000
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 12 tháng 2 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Hang02 Nguyen Thi Minh

Người ký: Quỳnh Trương Thụy 01
Ngày ký: 12/02/2025 09:49:46
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Quỳnh Trương Thụy 01

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 11 tháng 2 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Hồ Thị Hạnh
Ngày ký: 11/02/2025 14:32:13
Đơn vị: Trường THCS Đức Thắng

Người ký: Nguyễn Thị Thịnh
Ngày ký: 11/02/2025 14:41:37
Đơn vị: Trường THCS Đức Thắng

Hồ Thị Hạnh

Nguyễn Thị Thịnh

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường THCS Đức Thắng
Mã ĐVQHNS: 1127134
Mã cấp NS: 3

Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	073	00000	0	1.350.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	7.800.000	7.800.000	0	0	0	1.350.000
13	073	00000	0	4.448.216.000	5.463.596.000	5.463.596.000	5.463.596.000	5.382.983.000	5.382.983.000	0	0	80.613.000	80.613.000
15	073	00000	0	0	4.200.000	4.200.000	4.200.000	4.200.000	4.200.000	0	0	0	0
Cộng:			0	4.449.566.000	5.476.946.000	5.476.946.000	5.476.946.000	5.394.983.000	5.394.983.000	0	0	80.613.000	81.963.000
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.
Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 11 tháng 2 năm 2025

Kế toán
Kế toán trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Hang02 Nguyen Thi Minh

Người ký: Quỳnh Trương Thụy 01
Ngày ký: 11/02/2025 09:11:35
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Bắc Từ Liêm - Hà Nội

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 10 tháng 2 năm 2025

Kế toán trưởng
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Hà Thị Hạnh
Ngày ký: 10/02/2025 11:59:33
Đơn vị: Trường THCS Đức Thắng

Người ký: Nguyễn Thị Thanh
Ngày ký: 10/02/2025 12:04:45
Đơn vị: Trường THCS Đức Thắng